TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-PT
Ngày 11 - 01 - 2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huờn và ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2023/TLPT-DS ngày 30/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2023/QĐ-PT ngày 20/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: số 66 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1977 và ông Đặng Hoàng P; địa chỉ: B5 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hoàng P:* Bà Lê Thị L; địa chỉ: B5 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi nội dung khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị B trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng bà L, bà B có cho vợ chồng bà L vay tiền cụ thể: Ngày 03/2/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 14/3/2019 vay số tiền 800.000.000 đồng; ngày 19/4/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 02/5/2019 vay số tiền 470.000.000 đồng; ngày 05/7/2019 vay số tiền 240.000.000 đồng và ngày 22/8/2019 vay số tiền 120.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 1.720.000.000 đồng. Khi vay không thế chấp tài sản, giấy tờ gì, thỏa thuận miệng

lãi suất là 2%/tháng. Quá trình vay vợ chồng bà L mới hỗ trợ được 20.000.000 đồng tiền lãi, tiền gốc chưa trả. Nay bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L trả tiền gốc là 1.720.000.000 đồng và lãi là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện cho đến khi trả xong nợ.

Đối với khoản tiền bà L trả cho bà B, cụ thể: Ngày 05/01/2019 trả 18.000.000 đồng; ngày 07/01/2019 trả 190.000.000 đồng; ngày 13/3/2019 trả 20.000.000 đồng; ngày 12/4/2019 trả 13.000.000 đồng; ngày 26/4/2019 trả 300.000.000 đồng; ngày 17/5/2019 trả 30.000.000 đồng; ngày 20/5/2019 trả 15.000.000 đồng; ngày 23/5/2019 trả 10.000.000 đồng, thông qua hình thức bà L nộp tiền vào tài khoản của bà B số tài khoản là 5200205872723 của Ngân hàng AGRIBANK. Tổng số tiền đã trả là 596.000.000 đồng là đúng, nhưng trả vào các khoản nợ khác mà bà L nợ bà B chứ không phải trả vào khoản nợ 1.720.000.000 đồng mà bà B khởi kiện nên bà B không đồng ý với ý kiến của bà L là trả nợ vào khoản vay 1.720.000.000 đồng. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Liễu trình bày:

Bà L xác định vợ chồng bà có vay của bà Cao Thị B số tiền như các lần vay mà bà B đã trình bày. Khi vay không thế chấp tài sản, giấy tờ gì, trong giấy vay tiền có ghi nội dung thế chấp, bán nhà cho bà B là do bà B yêu cầu ghi như vậy mới cho vay tiền, chứ không có việc bán nhà hoặc thế chấp nhà. Lãi suất không ghi trong giấy vay tiền, thỏa thuận miệng là 3.000đồng/triệu/ngày.

Quá trình vay bà L đã trả được tiền gốc, lãi nhiều lần cho bà B, khi trả thì trả trực tiếp cho bà B ghi vào sổ bà B giữ nên không nhớ cụ thể số tiền trả, cũng không có giấy tờ chứng minh. Ngoài ra, bà L đã trả cho bà B thông qua hình thức chuyển vào tài khoản, được 596.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 05/01/2019 trả 18.000.000 đồng; ngày 07/01/2019 trả 190.000.000 đồng; ngày 13/3/2019 trả 20.000.000 đồng; ngày 12/4/2019 trả 13.000.000 đồng; ngày 26/4/2019 trả 300.000.000 đồng; ngày 17/5/2019 trả 30.000.000 đồng; ngày 20/5/2019 trả 15.000.000 đồng; ngày 23/5/2019 trả 10.000.000 đồng, thông qua hình thức bà L nộp tiền vào tài khoản của bà Cao Thị B số tài khoản là 5200205872723 của Ngân hàng AGRIBANK.

Nay bà B khởi kiện buộc vợ chồng bà L trả tiền gốc là 1.720.000.000 đồng và lãi suất thì ý kiến của bà L đề nghị bà B cung cấp giấy tờ gốc và cuốn sổ ghi số tiền bà L trả để đối chiếu, còn nợ bao nhiêu thì đồng ý trả. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 170 Bộ luật dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị B. Buộc bị đơn bà Lê Thị L và ông Đặng Hoàng P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Cao Thị B số tiền vay gốc, lãi là 1.818.980.267 đồng, trong đó tiền gốc là 1.720.000.000 đồng và tiền lãi là 98.980.267 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2023 bị đơn là bà Lê Thị L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng vào nợ gốc phải trả và tính toán lại tiền lãi cho đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị L, thấy rằng:

* Về nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị L thừa nhận từ ngày 03/02/2019 đến ngày 22/8/2019 vợ chồng bà L đã vay của bà Cao Thị B số tiền 1.720.000.000 đồng, theo các giấy mượn tiền, giấy nhận tiền mà bà B đã cung cấp cho Tòa án.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L cung cấp chứng từ chuyển trả qua tài khoản cho bà B từ ngày 05/01/2019 đến ngày 23/5/2019 với số tiền 596.000.000 đồng. Các chứng từ giao dịch, giấy nộp tiền đều có nội dung "thu lieu ck co boi", không có tài liệu, chứng từ nào thể hiện được trả nợ cho khoản vay nào. Đồng thời, bà B cũng không thừa nhận và cho rằng số tiền này bà L trả cho các khoản vay khác và bà B đã cung cấp chứng cứ là các giấy vay tiền từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/02/2019. Tại các giấy vay này thể hiện bà L vay của bà B tổng số tiền 650.000.000 đồng, các giấy vay này đã được bà B gạch bỏ nội dung vay tiền. Ngoài ra, bà L không cung cấp chứng cứ gì khác chứng minh đã trả cho các khoản vay mà bà B đang khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà Lê Thị L cung cấp chứng từ "Uỷ nhiệm chi" ngày 29/8/2023 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Lê Thánh Tông, thể hiện bà L chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản số 63110000604748 của bà Cao Thị B tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Tại giấy "Uỷ nhiệm chi" có nội dung "Lieu ck tra co boi", không có tài liệu, chứng từ nào thể hiện số tiền này được chuyển để trả nợ gốc hay nợ lãi nên cần chấp

nhận khấu trừ 20.000.000 đồng vào nợ gốc vợ chồng bà L phải trả cho bà B là phù hợp. Do vậy, số tiền nợ gốc vợ chồng bà L phải trả cho bà B là 1.700.000.000 đồng.

* Về nợ lãi: Các bên đương sự đều thừa nhận có thoả thuận lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì đây là hợp đồng vay có lãi nhưng có tranh chấp nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tức là bằng 10 %/năm. Do vậy, vợ chồng bà L phải trả lãi cho bà B với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày bà B khởi kiện (ngày 24/02/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

1.720.000.000 đồng x 10 %/năm x 186 ngày (từ ngày 24/02/2023 đến ngày 29/8/2023) = 88.866.000 đồng (làm tròn số).

1.700.000.000 đồng x 10 %/năm X 23 ngày (từ ngày 30/8/2023 đến ngày 22/9/2023) = 10.861.000 đồng (làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng số nợ gốc và lãi vợ chồng bà L phải trả cho bà B là 1.700.000.000 đồng + 88.866.000 đồng + 10.861.000 đồng = 1.799.727.000 đồng.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2023/DSST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị L và ông Đặng Hoàng P, phải chịu án phí theo mức tính: 36.000.000 đồng + 3% (1.799.727.000 đồng -800.000.000 đồng) = 65.991.800 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị B.

[1]. Buộc bà Lê Thị L và ông Đặng Hoàng P phải trả cho bà Cao Thị B 1.799.727.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 99.727.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

- Bà Lê Thị L và ông Đặng Hoàng P, phải chịu 65.991.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Lê Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 4191 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân